

Bản án số: 82/2026/HS-ST

Ngày 19-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hào

Ông Đỗ Đăng Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2026/TLST-HS, ngày 29 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2026/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 5 năm 2026, đối với:

1. Bị cáo: **NGUYỄN TIẾN L**, sinh ngày 10-02-1980 tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051080013697, cấp ngày 14-8-2021; nơi thường trú: **thôn A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi**; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động không tự do; con ông **Nguyễn L1**, sinh năm 1957 và bà **Phạm Thị L2**, sinh năm 1953; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Ông **Ngô Thế V**, sinh năm 1994; nơi thường trú: **thôn V, xã V, tỉnh Quảng Ngãi**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 30/11/2025, Nguyễn Tiến L đến chợ B thuộc thôn T, xã V để mua đồ ăn và vào ngồi nghỉ tại khu vực nhà xe phía trong chợ. Trong thời gian ngồi tại đây, Nguyễn Tiến L nhìn thấy Ngô Thế V, sinh năm 1994, thường trú tại: thôn V, xã V, tỉnh Quảng Ngãi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen, gắn biển kiểm soát 54N4-0659 (sau đây gọi tắt là xe 54N4-0659) vào gửi tại nhà xe (nhà xe bên trong chợ không có người giữ xe). Lúc này, Nguyễn Tiến L thấy Ngô Thế V vẫn để chìa khóa trên xe nên nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô nói trên. Nguyễn Tiến L ngồi chờ và quan sát thì thấy Ngô Thế V vẫn còn đang mua đồ trong chợ nên Nguyễn Tiến L quay lại vị trí để xe, lấy chìa khóa đang cắm sẵn trên xe, mở khóa và nổ máy điều khiển xe 54N4-0659 chạy ra khỏi khu vực nhà xe và đem về phòng trọ cất giấu, sau đó sử dụng chiếc xe này dùng làm phương tiện đi lại. Đến sáng ngày 06/12/2025, khi Nguyễn Tiến L đang điều khiển xe 54N4-0659 trên tuyến đường V thuộc thôn Đ, xã V thì bị Công an xã V phát hiện và tạm giữ tang vật nêu trên.

Tại bản Kết luận Định giá tài sản số 01/KL.HĐĐGTS ngày 26/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã V kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen, gắn biển kiểm soát 54N4-0659, số khung: 9Y-089030, số máy: 43E-0627280 (đã qua sử dụng) có giá trị là 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 37/CT-VKS-KV2, ngày 28/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Tiến L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L từ 09 tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Xe 54N4-0659, số khung: 9Y-089030, số máy: 43E-0627280 (đã qua sử dụng) là vật chứng của vụ án, qua điều tra xác định xe mô tô này được ông Ngô Thế V mua lại (mua xe cũ) từ Cửa hàng xe máy “Đức Ngọc” ở thôn P, xã Đ do ông Phan Đức N làm chủ. Xe mô tô này được ông Phan Đức N mua từ

một nam công nhân (không rõ nhân thân), sau đó bán lại cho ông **Ngô Thế V** để kiếm lời. Trên giấy tờ xe thể hiện chủ sở hữu là **Công ty Cổ phần Đ**, địa chỉ: **4 T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Cơ quan Cảnh sát điều tra – **Công an tỉnh Q** đã ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an Thành phố H** làm việc với đại diện **Công ty Cổ phần Đ** nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời. Mặt khác, qua tra cứu dữ liệu lưu trữ tại Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra **Bộ C** xác định xe mô tô nêu trên không có thông tin trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** tiếp tục tạm giữ phương tiện này để xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

- 01 mũ bảo hiểm và 01 áo khoác là trang phục, đồ vật mà **Nguyễn Tiến L** mang theo khi thực hiện vụ trộm Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho **Nguyễn Tiến L**; 01 đĩa CD-R, trên mặt đĩa có chữ “maxell” lưu trữ dữ liệu camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản được **Công an xã V** thu thập trong quá trình truy xét đã đưa vào hồ sơ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về phần dân sự trong vụ án: Trong giai đoạn điều tra, **Nguyễn Tiến L** đã tự nguyện bồi thường, khắc phục cho bị hại **Ngô Thế V** số tiền 1.000.000 đồng, **Ngô Thế V** đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Không có.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thu thập và người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.2] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa bị hại vắng mặt nhưng hồ sơ vụ án đã có lời khai của bị hại, xét thấy việc vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Tiến L** khai nhận hành vi của mình đúng như mô tả trong Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: khoảng 06 giờ ngày 30/11/2025, **Nguyễn Tiến L** đến **chợ B** thuộc **thôn T, xã V** để mua đồ thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen, gắn biển kiểm soát 54N4-0659 của ông **Ngô Thế V** để tại nhà giữ xe trong chợ (nhưng không có người trông coi), trên ổ khóa có cắm sẵn chìa khóa nên bị cáo đã lén lút trộm cắp xe mô tô nói trên.

Tại bản Kết luận Định giá tài sản số 01/KL.HĐĐGTS ngày 26/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **xã V** kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen, gắn biển kiểm soát 54N4-0659, số khung: 9Y-089030, số máy: 43E-0627280 (đã qua sử dụng) có giá trị là 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, vai trò, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi nhưng ý thức tuân thủ pháp luật kém; hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại là khách thể được pháp luật bảo vệ, ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại **xã V** nói riêng, tỉnh Quảng Ngãi nói chung nên phải xử phạt mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[2.3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo bồi thường khắc phục hậu quả; bị cáo có cha là ông **Nguyễn L1** được **Ban** tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đơn bãi nại dân sự nên được áp dụng điểm i, b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự áp dụng cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[2.3] Về khẩu trừ thu nhập: Bị cáo không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử cần miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **Ngô Thế V** đã nhận số tiền 1.000.000đồng và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra.

[2.5] Về xử lý vật chứng:

[2.5.1] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen, gắn biển kiểm soát 54N4-0659, số khung: 9Y-089030, số máy: 43E-0627280 (đã qua sử dụng) là vật chứng của vụ án được ông **Ngô Thế V** mua lại xe cũ, trên giấy tờ xe thể hiện chủ sở hữu là **Công ty Cổ phần Đ**, địa chỉ: **4 T, phường B, Thành phố H** Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ủy thác điều tra nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời và xe mô tô nêu trên không có thông tin trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** tiếp tục tạm giữ phương tiện này để xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5.2] Đối với 01 mũ bảo hiểm và 01 áo khoác là trang phục, đồ vật mà **Nguyễn Tiến L** mang theo khi thực hiện vụ trộm Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5.3] Đối với 01 đĩa CD-R, trên mặt đĩa có chữ “maxell” lưu trữ dữ liệu camera ghi nhận hình ảnh đối tượng trộm cắp tài sản đã được đưa vào hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Xét ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: không có tranh luận, bào chữa gì nên không xét.

[4] Xét lời nói sau cùng của bị cáo: Lời nói sau cùng của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tiến L** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến L** 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

2. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo **Nguyễn Tiến L**.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/6/2026).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng CSĐT, Phòng Hồ sơ;
Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSNDKV 2 – Quảng Ngãi;
- UBND xã, Công an xã
nơi bị cáo thường trú;
- Bị cáo; những người TGTT;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tương